

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017



**MỤC LỤC**

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 36

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0700324666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2009. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 09 (chín) lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngày 20/07/2017, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 đăng ký đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Long Thành thành Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam và chuyển trụ sở Công ty từ phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam về địa chỉ TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội và hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 này.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi một tỷ đồng chẵn ./.).

#### 2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Trần Quang Huy	Chủ tịch HĐQT ( <i>Miễn nhiệm kể từ ngày 30/05/2017</i> ) (i)
- Ông Lại Xuân Hường	Chủ tịch HĐQT ( <i>Bổ nhiệm kể từ ngày 30/05/2017</i> ) (i)
- Ông Lã Văn Châm	Thành viên ( <i>Miễn nhiệm kể từ ngày 28/05/2017</i> ) (ii)
- Ông Trần Quang Huy	Thành viên
- Bà Lại Thị Thùy	Thành viên ( <i>Bổ nhiệm kể từ ngày 28/05/2017</i> ) (ii)
- Ông Nguyễn Ngọc Vinh	Thành viên
- Ông Phạm Trung Hiếu	Thành viên ( <i>Miễn nhiệm kể từ ngày 21/04/2017</i> ) (iii)
- Ông Lại Xuân Hường	Thành viên ( <i>Bổ nhiệm kể từ ngày 21/04/2017</i> ) (iii)
- Ông Đỗ Văn Luyện	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Quang Huy	Giám đốc ( <i>Miễn nhiệm kể từ ngày 30/05/2017</i> ) (i)
- Ông Lại Xuân Hường	Giám đốc ( <i>Bổ nhiệm kể từ ngày 30/05/2017</i> ) (i)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Bùi Nguyên Dương	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Thành Việt	Thành viên
- Ông Đỗ Việt Anh	Thành viên

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 05 năm 2017 về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT kiêm người đại diện theo pháp luật.

(ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2017/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 05 năm 2017 về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Thành viên HĐQT.

(iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2017/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 04 năm 2017 về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Thành viên HĐQT.

#### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

#### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được soát xét đính kèm.

#### 5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, ngoài sự kiện đã được trình bày tại Thuyết minh số 8.5, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không còn có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

#### 6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty.

#### 7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

**Thay mặt Ban Giám đốc**



Lại Xuân Hương

Số: 103 /2017/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam được lập ngày 15 tháng 08 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán

## Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



---

**Trần Thị Nguyệt**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0589-2015-242-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>46.789.118.084</b>	<b>61.681.007.466</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>3.825.274.915</b>	<b>5.645.923.189</b>
1. Tiền	111		3.825.274.915	5.645.923.189
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>18.847.818.317</b>	<b>28.484.537.008</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	12.133.530.318	12.898.440.029
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	6.737.447.999	4.610.388.042
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	-	12.000.000.000
4. Các khoản phải thu khác	136	5.5	-	442.600.000
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.2	(23.160.000)	(1.466.891.063)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>24.102.545.098</b>	<b>27.357.924.338</b>
1. Hàng tồn kho	141		24.102.545.098	27.357.924.338
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.479.754</b>	<b>192.622.931</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	10.544.696	22.062.878
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.935.058	159.538.503
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	-	11.021.550
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>38.900.774.321</b>	<b>25.673.701.616</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>448.042.000</b>	<b>330.922.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	448.042.000	330.922.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.442.732.321</b>	<b>13.842.779.616</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	8.128.937.216	9.614.896.587
- Nguyên giá	222		14.393.110.908	14.393.110.908
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.264.173.692)	(4.778.214.321)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	5.313.795.105	4.227.883.029
- Nguyên giá	225		6.079.888.363	4.378.899.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(766.093.258)	(151.016.970)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.8</b>	<b>25.010.000.000</b>	<b>11.500.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		25.010.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	11.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>85.689.892.405</b>	<b>87.354.709.082</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B01a-DN

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.431.098.208</b>	<b>13.403.440.551</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.423.955.755</b>	<b>9.832.585.853</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	4.907.134.020	6.475.055.829
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.188.665.205	2.806.947.470
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	328.156.530	227.698.805
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	40.000.000
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	-	282.883.749
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.007.142.453</b>	<b>3.570.854.698</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	4.007.142.453	3.570.854.698
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>75.258.794.197</b>	<b>73.951.268.531</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>75.258.794.197</b>	<b>73.951.268.531</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.000.000.000	71.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.000.000.000	71.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		4.258.794.197	2.951.268.531
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.951.268.531	2.192.473.312
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.307.525.666	758.795.219
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>85.689.892.405</b>	<b>87.354.709.082</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

Lại Thị Thùy

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lại Thị Thùy

GIÁM ĐỐC



Lại Xuân Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	22.740.204.108	53.157.018.320
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>22.740.204.108</b>	<b>53.157.018.320</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	21.994.797.333	45.807.586.535
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>745.406.775</b>	<b>7.349.431.785</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	237.678.798	100.877.701
7. Chi phí tài chính	22	6.4	231.238.970	1.010.289.813
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		231.238.970	1.010.289.813
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	243.680.637	2.717.405.840
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	(1.148.098.360)	1.114.459.619
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.656.264.326</b>	<b>2.608.154.214</b>
11. Thu nhập khác	31	6.5	-	2.801.818.181
12. Chi phí khác	32	6.6	20.582.130	3.747.762.041
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(20.582.130)</b>	<b>(945.943.860)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.635.682.196</b>	<b>1.662.210.354</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	328.156.530	342.848.955
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>1.307.525.666</b>	<b>1.319.361.399</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		184	194

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Lại Thị Thùy

Lại Thị Thùy

Lại Xuân Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B03a-DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	23.167.151.165	50.109.313.821
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(21.120.560.798)	(34.079.409.590)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(614.070.000)	(1.291.780.029)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(231.238.970)	(1.010.623.713)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(227.698.805)	(1.043.317.876)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	6.518.466.100
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(454.277.306)	(6.614.716.296)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>519.305.286</b>	<b>12.587.932.417</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.300.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.000.000.000	6.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18.010.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	680.278.798	877.701
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(829.721.202)</b>	<b>(14.999.122.299)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	14.836.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(620.429.205)	(13.952.033.800)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(889.803.153)	(51.096.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.510.232.358)</b>	<b>832.870.200</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.820.648.274)</b>	<b>(1.578.319.682)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.645.923.189</b>	<b>4.521.461.323</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi</b>	<b>61</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>3.825.274.915</b>	<b>2.943.141.641</b>

Hà Nội ngày 15 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Lại Thị Thùy

Lại Thị Thùy

Lại Xuân Hương

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0700324666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2009. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 09 (chín) lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngày 20/07/2017, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 đăng ký đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Long Thành thành Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam và chuyển trụ sở Công ty từ phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam về địa chỉ TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội và hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 này.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 71.000.000.000 đồng (Bảy mươi một tỷ đồng chẵn ./.).

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là Kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. *Chi tiết: Xây dựng công trình, hạng mục công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống;*
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. *Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng (gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi...)*
- Mua bán trang trí nội thất;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Đại lý môi giới đấu giá. *Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;*
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. *Chi tiết: Buôn bán sắt thép;*
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. *Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan;*
- Mua bán và chế biến than các loại;
- Khai thác than đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 cho mục đích công bố thông tin theo quy định của các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty.

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Giá bình quân gia quyền
- Sản phẩm dở dang: Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.5.1. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	05 năm

**4.6. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

**Chi tiết chính sách ghi nhận các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:**

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

**4.7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**4.8. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

**4.9. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

**4.10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.11. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu và cổ tức:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Mẫu số B09a-DN**

- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.12. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (vi) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

**4.13. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí tiền bản quyền, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

#### 4.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### 4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### 4.16. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

**4.17. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Tiền mặt	1.670.981.076	1.322.755.785
Tiền gửi ngân hàng	2.154.293.839	4.323.167.404
- Tiền gửi ngân hàng VND	2.154.293.839	4.323.167.404
Tiền VND Ngân hàng TMCP Á CHÂU - CN Hà Nam	1.439.875	892.163
Tiền VND Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển NT - CN Hà Nam	84.110	1.462.941
Tiền VND Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hà Nam	186.458	186.458
Tiền VND Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam	-	1.290.498
Tiền gửi VND Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	2.152.575.949	4.319.327.897
Tiền gửi VND Ngân hàng TMCP Sài Gòn	7.447	7.447
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.825.274.915</b>	<b>5.645.923.189</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>12.133.530.318</b>	<b>(23.160.000)</b>	<b>12.898.440.029</b>	<b>(1.466.891.063)</b>
Phải thu khách hàng trong nước (chỉ tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	7.361.908.846	-	1.540.909.916	-
Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hamico	5.820.998.930	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Long Thành	1.540.909.916	-	1.540.909.916	-
Phải thu khách hàng khác	4.771.621.472	(23.160.000)	11.357.530.113	(1.466.891.063)
<b>Cộng</b>	<b>12.133.530.318</b>	<b>(23.160.000)</b>	<b>12.898.440.029</b>	<b>(1.466.891.063)</b>

**b) Phải thu khách hàng dài hạn****c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan**

-

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HP	3.802.373.000	-
Công ty TNHH TM và Dịch Vụ Hiền Hải	739.000.000	739.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và VLXD Hamico	2.196.074.999	2.196.074.999
Các công ty khác	-	1.675.313.043
<b>Cộng</b>	<b>6.737.447.999</b>	<b>4.610.388.042</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Từ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Ký tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

**5.4 Nợ xấu**

Đối tượng	Thời gian quá hạn	30/06/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến trúc và XNK AZ Việt Nam	Dưới 1 năm				858.678.731	601.075.112	(257.603.619)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Việt	Dưới 1 năm				502.497.655	351.748.359	(150.749.296)
Công ty Cổ phần Xây dựng Quân Phương	Dưới 1 năm				578.723.401	405.106.381	(173.617.020)
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại và Đầu tư Xây dựng Quyết Thắng	Dưới 1 năm				1.013.593.500	709.515.450	(304.078.050)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4	Dưới 1 năm				833.814.981	583.670.487	(250.144.494)
Công ty TNHH Khoáng sản Vĩnh Anh	Dưới 1 năm	77.200.000	54.040.000	(23.160.000)	77.200.000	54.040.000	(23.160.000)
Các đối tượng khác	Dưới 1 năm	-	-	-	1.025.128.608	717.590.026	(307.538.582)
<b>Cộng</b>		<b>77.200.000</b>	<b>54.040.000</b>	<b>(23.160.000)</b>	<b>4.889.636.876</b>	<b>3.422.745.815</b>	<b>(1.466.891.061)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**5.5 Phải thu khác và cho vay**

	30/06/2017		01/01/2017	
	(VND)		(VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	-	12.442.600.000	-
- Lãi cho vay phải thu	-	-	442.600.000	-
- Phải thu về cho vay	-	-	12.000.000.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	448.042.000	-	330.922.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	448.042.000	-	330.922.000	-
<b>Cộng</b>	<b>448.042.000</b>	<b>-</b>	<b>12.773.522.000</b>	<b>-</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2017		01/01/2017	
	(VND)		(VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	-	-	-	-
Hàng hóa	24.102.545.098	-	27.357.924.338	-
<b>Cộng</b>	<b>24.102.545.098</b>	<b>-</b>	<b>27.357.924.338</b>	<b>-</b>

**5.7 Chi phí trả trước**

	30/06/2017	01/01/2017
	(VND)	(VND)
<b>a) Ngắn hạn</b>	10.544.696	22.062.878
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	10.544.696	22.062.878
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.544.696</b>	<b>22.062.878</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Từ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

**5.8 Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*) (*)
a) Chứng khoán kinh doanh		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	25.010.000.000	11.500.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.010.000.000	-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	15.010.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt- tỷ lệ sở hữu 41,7% (i)	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản THT- tỷ lệ sở hữu 33,49% (ii)	-	11.500.000.000
- Đầu tư khác	-	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt	-	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư HP	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.010.000.000</b>	<b>11.500.000.000</b>

**(\*) Xem Thuyết minh Báo cáo tài chính số 8.1.iv- Giá trị hợp lý.**

(i) Theo Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐQT/KDM ngày 09 tháng 03 năm 2017 của Hội đồng Quản trị về việc đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700492741 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 17/05/2010. Hiện tại, công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 (bảy) ngày 05 tháng 05 năm 2016. Cụ thể:

- Vốn điều lệ: 36 tỷ đồng

- Địa chỉ: Số 240B, tổ 7, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

- Ngành nghề kinh doanh: sản xuất xin măng, kinh doanh thương mại và dịch vụ

(ii) Theo Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐQT/KDM ngày 29 tháng 06 năm 2017 của Hội đồng Quản trị về việc đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản THT.

Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản THT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3002038607 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 20/09/2016. Hiện tại, công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 (một) ngày 29 tháng 06 năm 2017. Cụ thể:

- Vốn điều lệ: 29.860.600.000 đồng

- Địa chỉ: thôn Vĩnh Cát, xã Thạch Vĩnh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Ngành nghề kinh doanh chính: chế biến gỗ



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

**5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	350.640.908	13.954.270.000	43.200.000		45.000.000	14.393.110.908
- Mua trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
Số dư cuối kỳ	350.640.908	13.954.270.000	43.200.000		45.000.000	14.393.110.908
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	284.878.416	4.432.227.841	21.309.677		39.798.387	4.778.214.321
- Số khấu hao trong kỳ	35.064.092	1.442.093.666	3.600.000		5.201.613	1.485.959.371
- Thanh lý, nhượng bán						
Số dư cuối kỳ	319.942.508	5.874.321.507	24.909.677		45.000.000	6.264.173.692
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	65.762.492	9.522.042.159	21.890.323		5.201.613	9.614.896.587
2. Tại ngày cuối kỳ	30.698.400	8.079.948.493	18.290.323			8.128.937.216

**5.10 Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm		4.378.899.999				4.378.899.999
Tăng trong kỳ		1.700.988.364				1.700.988.364
- Thuê tài chính trong kỳ		1.700.988.364				1.700.988.364
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ		6.079.888.363				6.079.888.363
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm		151.016.970				151.016.970
Tăng trong kỳ		615.076.288				615.076.288
- Số khấu hao trong kỳ		615.076.288				615.076.288
Số dư cuối kỳ		766.093.258				766.093.258
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm		4.227.883.029				4.227.883.029
2. Tại ngày cuối kỳ		5.313.795.105				5.313.795.105

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

**5.11 Vay và nợ thuế tài chính**

	30/06/2017		01/01/2017		Đơn vị tính: VND		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ		Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng VND	-	-	1.850.000.000	2.132.883.749	282.883.749	282.883.749	282.883.749
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	-	-	282.883.749	282.883.749	282.883.749	282.883.749
<b>b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>							
Vay ngân hàng VND	4.007.142.453	4.007.142.453	1.663.636.364	1.227.348.609	3.570.854.698	3.570.854.698	3.570.854.698
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	-	337.545.456	337.545.456	337.545.456	337.545.456
Nợ thuế tài chính	4.007.142.453	4.007.142.453	1.663.636.364	889.803.153	3.233.309.242	3.233.309.242	3.233.309.242
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu- Chi nhánh Hà Nội (i)	587.597.000	587.597.000	-	153.288.000	740.885.000	740.885.000	740.885.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease (ii)	3.419.545.453	3.419.545.453	1.663.636.364	736.515.153	2.492.424.242	2.492.424.242	2.492.424.242
<b>Cộng</b>	<b>4.007.142.453</b>	<b>4.007.142.453</b>	<b>3.513.636.364</b>	<b>3.360.232.358</b>	<b>3.853.738.447</b>	<b>3.853.738.447</b>	<b>3.853.738.447</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(i) Hợp đồng thuê tài chính số 03.0416/HĐCTTC-LT ngày 25 tháng 4 năm 2016 ký với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Hà Nội về việc thuê tài chính máy đào bánh xích Komatsu PC200-8N1, giá trị tài sản 1.132.727.272 đồng chưa bao gồm thuế VAT, thời gian thuê 36 tháng, giá trị mua lại 3.208.000 VND, lãi suất 9,9%/năm và được điều chỉnh trong thời gian thuê thực tế.

(ii) Hợp đồng thuê tài chính số B161207813 ngày 21 tháng 12 năm 2016 ký với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội về việc thuê tài chính 2 máy xúc lật bánh lốp, giá trị tài sản 3.500.000.000 đồng đã bao gồm thuế VAT, thời gian thuê 48 tháng, lãi suất 8,78%/năm và được điều chỉnh trong thời gian thuê thực tế.

(ii) Hợp đồng thuê tài chính số B161215513 ngày 12 tháng 01 năm 2017 ký với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội về việc thuê tài chính 2 máy đào bánh xích, giá trị tài sản 1.830.000.000 đồng đã bao gồm thuế VAT, thời gian thuê 48 tháng, lãi suất 8,78%/năm và được điều chỉnh trong thời gian thuê thực tế.

5.12 Phải trả người bán	30/06/2017		01/01/2017	
	(VND)		(VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>4.907.134.020</b>	<b>4.907.134.020</b>	<b>6.475.055.829</b>	<b>6.475.055.829</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	4.393.457.200	4.393.457.200	1.039.601.400	1.039.601.400
<i>Công ty TNHH Hà Mạnh</i>	3.165.855.000	3.165.855.000	-	-
<i>Công ty TNHH Thương mại Vận tải Nguyễn Khang Hà Nam</i>	1.227.602.200	1.227.602.200	1.039.601.400	1.039.601.400
Các khoản phải trả người bán khác	513.676.820	513.676.820	5.435.454.429	5.435.454.429
<b>Cộng</b>	<b>4.907.134.020</b>	<b>4.907.134.020</b>	<b>6.475.055.829</b>	<b>6.475.055.829</b>
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				

## 5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
	(VND)	(VND)
Công ty TNHH Thanh Hòa Đại Dương	115.000.000	115.000.000
Công ty TNHH Phúc Hưng	125.364.205	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Vận tải Nhuận Hiền	570.000.000	570.000.000
Công ty CP Xây dựng Số 12	378.301.000	378.301.000
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	-	1.743.646.470
<b>Cộng</b>	<b>1.188.665.205</b>	<b>2.806.947.470</b>

## 5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017
- Thuế GTGT	-	381.928.035	381.928.035	-
- Thuế TNDN	227.698.805	328.156.530	227.698.805	328.156.530
<b>Cộng</b>	<b>227.698.805</b>	<b>710.084.565</b>	<b>609.626.840</b>	<b>328.156.530</b>
b) Phải thu				
- Thuế GTGT nộp thừa	11.021.550	11.021.550	-	-
<b>Cộng</b>	<b>11.021.550</b>	<b>11.021.550</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

**5.14 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>68.000.000.000</b>					<b>5.245.423.917</b>	<b>73.245.423.917</b>
Tăng vốn năm trước	3.000.000.000						3.000.000.000
Lãi trong năm trước						758.795.219	758.795.219
Tăng khác						16.373.155	16.373.155
Giảm vốn trong năm trước						-	-
Lỗ trong năm trước						-	-
Giảm khác						(3.069.323.760)	(3.069.323.760)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>71.000.000.000</b>					<b>2.951.268.531</b>	<b>73.951.268.531</b>
Tăng vốn trong kỳ này							-
Lãi trong kỳ này						1.307.525.666	1.307.525.666
Tăng khác						-	-
Giảm vốn trong kỳ này						-	-
Lỗ trong kỳ này						-	-
Giảm khác						-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>71.000.000.000</b>					<b>4.258.794.197</b>	<b>75.258.794.197</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỉ lệ vốn góp	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Vốn góp của chủ sở hữu	100%	71.000.000.000	71.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác			
<b>Cộng</b>		<b>71.000.000.000</b>	<b>71.000.000.000</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	71.000.000.000	68.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	3.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	71.000.000.000	71.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	3.000.000.000

**Cổ phiếu**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>7.100.000</b>	<b>7.100.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>7.100.000</b>	<b>7.100.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	7.100.000	7.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>7.100.000</b>	<b>7.100.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	7.100.000	7.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.307.525.666	1.319.361.399
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	7.100.000	6.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>184</b>	<b>194</b>

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.740.204.108	53.157.018.320
<b>Cộng</b>	<b>22.740.204.108</b>	<b>53.157.018.320</b>
Doanh thu các bên liên quan		
Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản		
6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
- Giá vốn của hàng bán và cung cấp dịch vụ	21.994.797.333	45.807.586.535
<b>Cộng</b>	<b>21.994.797.333</b>	<b>45.807.586.535</b>
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lãi tiền gửi, cho vay	237.678.798	100.877.701
<b>Cộng</b>	<b>237.678.798</b>	<b>100.877.701</b>
6.4 Chi phí tài chính	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lãi tiền vay, lãi trả thuê tài chính	231.238.970	1.010.289.813
<b>Cộng</b>	<b>231.238.970</b>	<b>1.010.289.813</b>
6.5 Thu nhập khác	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Các khoản thu nhập khác	-	2.801.818.181
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>2.801.818.181</b>
6.6 Chi phí khác	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Các khoản bị phạt	5.100.453	52.034.421
Các khoản chi phí khác	15.481.677	3.695.727.620
<b>Cộng</b>	<b>20.582.130</b>	<b>3.747.762.041</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp:</b>	<b>(1.148.098.360)</b>	<b>1.114.459.619</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	208.383.885	279.927.237
+ Chi phí nhân công quản lý	153.000.000	58.500.000
+ Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.383.885	221.427.237
Hoàn nhập dự phòng	(1.443.731.063)	
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	87.248.818	834.532.382
<b>Các khoản chi phí bán hàng:</b>	<b>243.680.637</b>	<b>2.717.405.840</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	129.000.000	1.567.072.229
+ Chi phí nhân công	54.000.000	991.004.117
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.000.000	576.068.112
- Chi phí bán hàng khác	114.680.637	1.150.333.611
<b>Cộng</b>	<b>(904.417.723)</b>	<b>3.831.865.459</b>

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	733.248.229	-
Chi phí nhân công	614.070.000	1.351.004.117
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.112.553.841	1.910.824.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	384.680.637	854.784.115
Chi phí bằng tiền khác	67.248.818	1.106.903.240
<b>Cộng</b>	<b>3.911.801.525</b>	<b>5.223.516.128</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.635.682.196	1.662.210.354
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.100.453	52.034.421
+ Chi phí không được trừ	5.100.453	52.034.421
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.640.782.649	1.714.244.775
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>328.156.530</b>	<b>342.848.955</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 30/06/2017</b>			
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.825.274.915		3.825.274.915
Phải thu khách hàng	12.133.530.318		12.133.530.318
Đầu tư	-	25.010.000.000	25.010.000.000
Phải thu khác	-	448.042.000	448.042.000
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(23.160.000)		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.935.645.233</b>	<b>25.458.042.000</b>	<b>41.416.847.233</b>
<b>Ngày 30/06/2017</b>			
Các khoản vay và nợ	-	4.007.142.453	-
Phải trả người bán	4.907.134.020		4.907.134.020
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.907.134.020</b>	<b>4.007.142.453</b>	<b>4.907.134.020</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>11.028.511.213</b>	<b>21.450.899.547</b>	<b>36.509.713.213</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 01/01/2017</b>			
<b>Giá trị ghi sổ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.645.923.189		5.645.923.189
Phải thu khách hàng	12.898.440.029		12.898.440.029
Đầu tư	-	11.500.000.000	11.500.000.000
Phải thu khác	442.600.000	330.922.000	773.522.000
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Trừ:</b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.466.891.063)		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.520.072.155</b>	<b>11.830.922.000</b>	<b>30.817.885.218</b>
<b>Ngày 01/01/2017</b>			
Các khoản vay và nợ	282.883.749	3.570.854.698	282.883.749
Phải trả người bán	6.475.055.829		6.475.055.829
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	40.000.000	-	40.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.797.939.578</b>	<b>3.570.854.698</b>	<b>6.797.939.578</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>10.722.132.577</b>	<b>8.260.067.302</b>	<b>24.019.945.640</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Từ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

## (iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	25.010.000.000	11.500.000.000	(*)	(*)	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.010.000.000	11.500.000.000	(*)	(*)	(*)
Các khoản cho vay và phải thu					
<i>Phải thu khách hàng và phải thu khác</i>	12.581.572.318	13.671.962.029	12.558.412.318	12.205.070.966	
<i>Tài sản tài chính khác</i>					
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.825.274.915	5.645.923.189	3.825.274.915	5.645.923.189	
<b>Tổng cộng</b>	<b>66.426.847.233</b>	<b>42.317.885.218</b>	<b>(*)</b>	<b>(*)</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	4.007.142.453	3.853.738.447	4.007.142.453	3.853.738.447	
Phải trả người bán	4.907.134.020	6.475.055.829	4.907.134.020	6.475.055.829	
Phải trả khác					
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.914.276.473</b>	<b>10.328.794.276</b>	<b>8.914.276.473</b>	<b>10.328.794.276</b>	

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trong yếu tố giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

**8.2 Báo cáo bộ phận**

**8.2.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng, dịch vụ vận tải. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

**Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017**

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	20.722.610.200	2.017.593.908		22.740.204.108
Giá vốn hàng bán	18.736.989.785	3.257.807.548		21.994.797.333
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.985.620.415</b>	<b>(1.240.213.640)</b>		<b>745.406.775</b>

**Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**

CHỈ TIÊU	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	48.156.168.625	5.000.849.695	-	53.157.018.320
Giá vốn hàng bán	43.073.240.713	2.734.345.822		45.807.586.535
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>5.082.927.912</b>	<b>2.266.503.873</b>	-	<b>7.349.431.785</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Khác	Tổng cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	39.160.755.568	3.812.767.847		42.973.523.415
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				42.716.368.990
<b>Tổng tài sản</b>				<b>85.689.892.405</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.554.957.669	540.841.556		6.095.799.225
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				4.335.298.983
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>10.431.098.208</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	40.219.650.009	4.647.102.400	-	44.866.752.409
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				42.487.956.673
<b>Tổng tài sản</b>				<b>87.354.709.082</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.320.613.907	961.389.392		9.282.003.299
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				4.121.437.252
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>13.403.440.551</b>

**8.2.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại tỉnh Hà Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HP VIỆT NAM**

Địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**8.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700324666 thay đổi lần thứ 10 ngày 20 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đăng ký đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Long Thành thành Công ty Cổ phần Đầu tư HP Việt Nam và chuyển trụ sở Công ty từ phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam sang địa chỉ: TT8, khu đô thị mới Tứ Hiệp, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

**8.4 Thông tin về các bên liên quan**Các bên liên quan:

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Địa điểm	Quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt	Số 240B, tổ 7 phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan:

Trong kỳ tài chính các giao dịch của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Số tiền VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt	Mua hàng	2.900.000.000
	Thanh toán tiền	4.095.795.000

Thu nhập của các thành viên của HĐQT và Ban Giám đốc:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lương thưởng của Ban Giám đốc	66.600.000	52.705.000
Thù lao và thưởng của HĐQT	-	-

**8.5 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

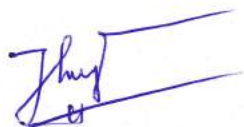
**8.6 Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.7 Những thông tin khác**


Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

NGƯỜI LẬP



Lại Thị Thùy

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lại Thị Thùy

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017



Lại Xuân Hoàng